

Bản án số: 266/2023/HS-PT

Ngày: 09-8-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Kiều Lương;

Bà Hoàng Thị Thu Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 142/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Lê Văn B và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Trương Thị T2 và bị hại Nguyễn Văn T6 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Lê Văn B- Sinh năm 1981 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Tài xế, Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Lê Đ (đã chết), con bà Nguyễn Thị P sinh năm 1962; bị cáo có vợ Võ Như N, sinh năm 1990 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2010;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 07/09/2020 bị Ủy ban nhân dân xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phạt tiền 3.750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma T2 và sử dụng các loại vũ khí công cụ hỗ trợ nhưng chưa gây hậu quả, bị can Lê Văn B chưa đóng tiền phạt.

Nhân thân: Năm 2012 bị Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa đưa đi cai nghiện tại trung tâm Cai nghiện Xuân Phú 24 tháng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất từ ngày 21/12/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai.

2. Nguyễn H (tên gọi khác: H Nhóc) – Sinh năm 1994 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn H1, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Thu T, (đã chết); bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 5 anh chị em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 11/02/2019 bị Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Trảng Bom phạt hành chính số tiền: 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma T2. Ngày 14/02/2019 bị cáo Nguyễn H đã đóng tiền phạt.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất từ ngày 21/12/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Đồng Nai.

3. Lê Hữu Nhật Ng (tên gọi khác: Ty Cơ) - Sinh năm 2001 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Buôn bán, Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; con ông Lê Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Hữu T1 Uyên, sinh năm 1970; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 anh em; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất từ ngày 21/12/2021. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. (Có mặt)

4. Trương Thị T2 (tên gọi khác: Tú) - Sinh năm 1983 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: buôn bán, Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; con ông Trương Quang Á, sinh năm 1943 và bà Trương Thị T4, sinh năm 1946; bị cáo có chồng Trần Đình L, sinh năm 1983 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2003;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất từ ngày 21/12/2021 đến ngày 30/6/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn lĩnh. (Có mặt)

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1986;

Địa chỉ: xã H, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- *Người Bvê quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*: Luật sư Võ Thanh Khương, Công ty Luật TNHH Logic và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà Packsimex, Số 52 Đồng Du, P Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 ngày ngày 21/12/2021 tại ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất bắt quả tang Lê Văn Bảo, Nguyễn H và Lê Hữu Nhật Ngđang có hành vi “ Bắt, giữ người trái pháp luật” và “ Cướp tài sản” đối với anh Nguyễn Văn T6, sinh năm: 1986, trú tại: ấp 9/4, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thu giữ vật chứng gồm:

+ Thu giữ của Nguyễn H số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu) đồng trong đó có 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 04 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Verizon màu đen đã qua sử dụng.

+ Thu giữ của Lê Văn B01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen đã qua sử dụng: 01 xe mô tô hiệu Honda Winner biển số: 60H5- 120.18.

+ Thu giữ của Lê Hữu Nhật Ng 01 thẻ Sim điện thoại số thuê bao 0779644714; 02 thẻ cào Viettel mệnh giá 100.000 đồng; 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 50.000 đồng; 01 hộp quẹt ga màu trắng.

Qua điều tra các đối tượng khai nhận: Khoảng tháng 11/2021, Lê Văn Bđược Trương Thị T2 thuê tìm Nguyễn Văn T6 giúp T2 để T2 đòi tiền nợ T6 thiếu nợ T2 54.000.000 đồng. Trương Thị T2 hứa nếu lấy lại được tiền sẽ cho B20.000.000 đồng và T2 đã đưa trước cho Bsố tiền 3.000.000 đồng.

Khoảng 10 giờ ngày 21/12/2021 Bđang ở nhà thì Nguyễn H và Lê Hữu Nhật Ngđến chơi. Lê Văn Bngồi chơi và rủ Ngvà H đi tìm T6, H và Ngđồng ý. H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner mang biển số 60H5- 120.18 chở Bvà

Nguyên. Khi gặp anh Nguyễn Văn T6 tại quán cà phê tại xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Bgặp anh T6 và hỏi có phải Nguyễn Văn T6 không thì T6 không thừa nhận và nói Nguyễn Văn T6 đang đi đá gà nơi khác. Bề nghị T6 dẫn đi tìm người, T6 đã sử dụng xe mô tô biển số 60H9- 3811 chở theo H, Ngchờ Bbằng xe mô tô 60H5-120.18 đi cùng. Trên đường đi Bthấy nghi ngờ nên đã lấy điện thoại ra xem lại hình T6 thì xác định người đang chở H là chính người cần tìm, Bra hiệu cho H quay lại và yêu cầu T6 chở Bquay về.

Khi biết Nguyễn Văn T6 là người cả bọn cần tìm, Nguyễn H ngồi phía sau dùng tay phải kẹp cổ T6, tay trái H rút từ trong túi quần một chiếc điện thoại di động hiệu Verizon màu đen kê vào lưng của anh T6 nói “Mày có phải T6 Lùn không?, Mày tin tao bắn mày không?”. Lúc này, anh T6 tưởng H có súng nên đã thừa nhận mình là người mà Bcùng đồng bọn đang tìm, do bức tức vì bị anh T6 lừa nên Nguyễn H sử dụng tay trái đâm 3- 4 cái vào vùng mặt của anh T6 sau đó cả nhóm Bkhông chế ép buộc anh T6 lên xe và chở đi quay về xã Hưng Lộc để gặp Trương Thị T2. Trên đường về đến khu vực Suối Bí thuộc ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai Bdùng xe, hỏi anh T6 về số tiền 54.000.000 đồng nợ T2 tính sao, anh T6 có nói xin trả trước số tiền 15.000.000 đồng; Bsử dụng điện thoại của mình đưa cho anh T6 để gọi cho người nhà đề nghị chuyển vào tài khoản Bsố tiền 15.000.000 đồng. Do nghe T6 nói người nhà đưa số tiền 15.000.000 đồng đến địa điểm đang đứng, sợ bị bại lộ nên Byêu cầu anh T6 lên xe, H chở T6 bằng xe của T6 vào khu vực nghĩa địa công giáo thuộc ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, H tiếp tục đe dọa sẽ xử lý T6; yêu cầu T6 đưa tiền mua nhang. T6 mở bóp da lấy 100.000 đồng đưa H thì H giật lấy bóp da của T6 lấy tiền trong bóp da và trả bóp lại cho T6 (Bkhông biết H đã lấy bao nhiêu tiền). Sau khi thắp nhang xong thì Bđưa T6 ra quán cà phê gần đường sắt thuộc xã Hưng Lộc chờ người thân của T6 đưa tiền đến chuộc T6 về thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ. Đến 17 giờ 00 phút ngày 21/12/2021 nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Trương Thị T2 đã đến cơ quan Công an đầu thú.

Căn cứ Bản giám định Pháp y về thương tích số 0248/TgT/2022 ngày 21/03/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận thương tích đối với Nguyễn Văn T6: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 24% (hai mươi tư phần trăm).

Quá trình điều tra, các bị cáo Lê Văn Bảo, Nguyễn H, Lê Hữu Nhật Ng và Trương Thị T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 30/2/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất đã:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168 và khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt Nguyễn H 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo H tính từ ngày 21/12/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt Lê Văn B01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo B tính từ ngày 21/12/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt: Lê Nhật Hữu Ng01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo Ng tính từ ngày 21/12/2021; xử phạt Trương Thị T2 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo Tuý tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2021 đến ngày 30/6/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/4/2023, bị hại Nguyễn Văn T6 kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Bản án sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất để điều tra, truy tố, xét xử lại.

Ngày 10/4/2023, bị cáo Trương Thị T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:

Hành vi của bị cáo Trương Thị T2 đã phạm vào tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách

nhệm hình sự xét xử bị cáo với mức án 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài những tình tiết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, y án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bị hại Lê Văn T6: Về kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm bỏ lọt hành vi phạm tội, ngoài bị cáo Nguyễn H đã dùng tay kẹp cổ và đánh vào mặt bị hại thì còn có các bị cáo Lê Văn Bảo, Lê Hữu Nhật Ngưng đánh bị hại gây thương tích, nhưng ngoài lời khai của bị hại thì không có chứng cứ nào khác nên không có cơ sở xem xét. Về kháng cáo xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trương Thị T2 về tội “Cướp tài sản”; trong vụ án này T2 chỉ gọi điện thuê Lê Văn Bđi tìm bị hại T6 chứ không yêu cầu đòi tiền, việc bị cáo Bvà H đe dọa, dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần và giật bóp tiền bị hại T6 thì T2 hoàn toàn không được biết, việc kháng cáo của bị hại cho rằng T2 là đồng phạm về tội “Cướp tài sản” là không có căn cứ. Về kháng cáo xem xét trách nhiệm dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các quy định của Nghị quyết 03/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về bồi thường thiệt hại do gây thương tích và khoản 2 Điều 596 Bộ luật dân sự quy định mức bồi thường tổn thất tinh thần để xem xét mức bồi thường cho bị hại là hợp lý.

Từ những phân tích trên xét thấy bị hại Lê Văn T6 kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được những căn cứ chứng minh những vi phạm, sai sót của cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị hại, y án sơ thẩm.

- *Quan điểm của các người Bvê quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nêu:*
Lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện Lê Văn Bvà Lê Hữu Nhật Ngcó bàn bạc với nhau trước về việc đánh T6, diễn biến gây thương tích của T6 cũng thể hiện nếu một mình H không thể gây thương tích như Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0248/TgT/2022 ngày 21/3/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai. Do đó, có căn cứ cho rằng ngoài Nguyễn H còn có Lê Văn Bvà Lê Hữu Nhật Ngtham gia đánh T6; về tội “Cướp tài sản” đối với bị cáo Trương Thị T2, bị cáo T2 ngoài việc nhờ Btìm T6 thì có nhờ Bđòi nợ hộ, nếu đòi được thì sẽ trả công cho B15.000.000 đồng. Do đó, Nguyễn H và Lê Văn Bbị truy tố, xét xử về tội “Cướp tài sản” với thì cũng phải xem xét trách nhiệm của Trương Thị T2. Về trách nhiệm dân sự tại bản án sơ thẩm chỉ áp dụng 20 (hai mươi) tháng lương cơ sở là chưa đúng, gây thiệt thòi, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

Từ những phân tích trên, tôi đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố và xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo T2 và bị hại T6 làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Do cần tìm anh Nguyễn Văn T6 để đòi nợ nên Trương Thị T2 đã nhờ Lê Văn Bìm và bắt giữ anh T6 cho T2 và Đồng ý. Bã rử Nguyễn H và Lê Hữu Nhật Ngưng đi. Vào khoảng 11 giờ 30 ngày 21/12/2021 tại ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, trong lúc Lê Văn Bảo, Nguyễn H và Lê Hữu Nhật Nguyễn đang có hành vi bắt giữ anh T6 thì bị lực lượng Công an huyện Thống Nhất bắt quả tang. Trong quá trình bắt giữ anh Nguyễn Văn T6 thì Nguyễn H có hành vi dùng tay đâm nhiều lần vào vùng mặt của anh T6, khiến anh T6 bị thương tích với tỷ lệ 24%. Ngoài ra, Lê Văn B và Nguyễn H còn có hành vi đe dọa bắt anh T6 đưa tiền và cướp chiếm đoạt của anh T6 số tiền trong ví tiền mang theo.

Như vậy với hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Nguyễn H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157; tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 và tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Lê Văn B đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157; tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị cáo Trương Thị T2, Lê Hữu Nhật Ng đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trương Thị T2:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể được pháp luật B vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Vụ án này xuất phát từ việc bị cáo gọi điện và nhờ Lê Văn Bìm và bắt Nguyễn Văn T6 đòi nợ. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, đã ăn năn, hối cải về hành

vi phạm tội của mình để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo mức án **01 (một) năm 08 (tám)** tháng tù là phù hợp, đúng quy định, không nặng như đơn kháng cáo bị cáo nêu.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, tình tiết nào mới để xem xét do đó kháng cáo của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Văn T6:

Về trách nhiệm hình sự của Lê Văn Bảo, Lê Hữu Nhật Nguyện tội “Cố ý gây thương tích”; Tại Bản giám định Pháp y về thương tích số 0248/TgT/2022 ngày 21/03/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Nai kết luận thương tích chỉ kết luận về tỉ lệ thương tích, không kết luận cơ chế hình thành vết thương; qua xem xét tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo, bị hại tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ngoài lời khai của anh T6 cho rằng H là người kẹp cổ còn B và N là người dùng tay nắm liên tục vào mặt thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện; anh T6 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm hình sự của bị cáo Trương Thị T2 về tội “Cướp tài sản”: Trong vụ án này bị cáo Trương Thị T2 chỉ gọi điện thuê Lê Văn B để tìm Nguyễn Văn T6 chứ không yêu cầu đòi tiền, không trực tiếp hoặc gián tiếp dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Khi các bị cáo Lê Văn B và Nguyễn H tìm được T6 thì đưa T6 đến nghĩa trang, sau đó dùng lời lẽ đe dọa, yêu cầu bị hại mua nhang rồi sau đó mới giật bóp của T6 lấy tiền. Việc B và H dùng lời lẽ đe dọa, uy hiếp tinh thần, giật bóp để lấy tiền, T2 không yêu cầu thực hiện và cũng không được biết. Vì vậy, việc bị hại Nguyễn Văn T6 kháng cáo cho rằng Trương Thị T2 đồng phạm về tội “Cướp tài sản” với Lê Văn B và Nguyễn H là không có cơ sở.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T6 yêu cầu bồi thường tổn thất vì mất thu nhập là 20.800.000đ do không thể đi làm được 05 tháng để phục hồi sức khỏe. Căn cứ nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 quy định như sau: *“Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại có thu nhập ổn định từ tiền lương trong biên chế, tiền công từ hợp đồng lao động, thì căn cứ vào mức lương, tiền công của tháng liền kề trước khi người bị xâm phạm sức*

khỏe nhân với thời gian điều trị để xác định khoản thu nhập thực tế của người bị thiệt hại. Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại có làm việc và hàng tháng có thu nhập thực tế nhưng mức thu nhập của các tháng khác nhau, thì lấy mức thu nhập trung bình của 06 tháng liên kế (nếu chưa đủ 6 tháng thì của tất cả các tháng) trước khi sức khỏe bị xâm phạm nhân với thời gian điều trị để xác định khoản thu nhập thực tế của người bị thiệt hại. Nếu trước khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại có thu nhập thực tế, nhưng không ổn định và không thể xác định được, thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại nhân với thời gian điều trị để xác định khoản thu nhập thực tế của người bị thiệt hại”. Tuy nhiên, bị hại Nguyễn Văn T6 không có nghề nghiệp, ngoài chỉ định của bác sĩ cho rằng anh T6 phải nghỉ ngơi thì không có chứng cứ nào chứng minh thời gian bị cáo nghỉ ngơi là 05 tháng và cũng không có chứng cứ nào chứng minh thu nhập hàng tháng của anh T6. Vì vậy, việc anh T6 kháng cáo yêu cầu các bị cáo bồi thường là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, anh T6 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét mức bồi thường tổn thất tinh thần là 20 (hai mươi) tháng lương cơ sở là chưa đúng, gây thiệt thòi, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp là không có căn cứ, Bởi, theo quy định tại khoản 2 Điều 596 Bộ luật dân sự; mức bồi thường bù đắp tổn thất tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. HĐXX xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án để buộc các bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần là 20 (hai mươi) tháng lương cơ sở cho bị hại là hợp lý, đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới, đặc biệt để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Luật sư Bvê quyền và lợi ích của bị hại không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị T2 và bị hại Nguyễn Văn T6, giữ Ngăn án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168 và khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn H 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo H tính từ ngày 21/12/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn B01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”; 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo B tính từ ngày 21/12/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Nhật Hữu Ng01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo Ng tính từ ngày 21/12/2021; bị cáo Trương Thị T2 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo Tuý tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2021 đến ngày 30/6/2022.

[3] Về án phí: Bị cáo Trương Thị T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Thống Nhất (2);
- VKSND H. Thống Nhất;
- Công an H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H. Thống Nhất;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Sơn

